



hè lǐ
贺礼

noun · congratulatory gift

Example Sentences

Tā sòng le yī fèn hè lǐ gěi xīn hūn de péng yǒu.
他送了一份贺礼给新婚的朋友。

He gave a congratulatory gift to his newlywed friend.

Zhè fèn hè lǐ suī rán bù guì zhòng , dàn xīn yì hěn zú.
这份贺礼虽然不贵重，但心意很足。

This congratulatory gift is not expensive, but it is full of heartfelt intention.

Trace each character, then write the word on your own.

贺	贺	贺	贺	贺	贺	贺	贺	贺	贺	贺
贺										

礼	礼	礼	礼	礼	礼	礼	礼			
